

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001164

Trang : 1/3

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: **48**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>P.T. Mai</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Trần</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>P.T. Mai</i>
---------------------------------	-------------------------------------	----------------------------------	--------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240030	NGUYỄN THỊ KIM ANH	18/06/1994	CCQ2124A			<i>Kim</i>	92	62	74	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121240050	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	17/05/2002	CCQ2124B			<i>Phuong</i>	84	61	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121240039	PHẠM THỊ HỒNG ÂN	21/11/2003	CCQ2124B			<i>Hong</i>	85	57	68	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121240006	NGUYỄN THỊ BÌNH	19/05/2000	CCQ2124A			<i>Binh</i>	90	65	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121240003	TRẦN THỊ HỒNG CHI	03/07/2003	CCQ2124A			<i>Chi</i>	78	57	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121240016	NGUYỄN MINH CHIẾN	31/12/2002	CCQ2124A			<i>Chien</i>	91	85	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121240049	PHAN THÀNH CÔNG	23/09/2003	CCQ2124B			<i>Con</i>	84	45	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121240026	VŨ THỊ ANH ĐÀO	10/05/2003	CCQ2124A			<i>Dao</i>	68	67	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121240014	DƯƠNG MỸ GIANG	19/10/2003	CCQ2124A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121240059	LÊ THỊ GIANG	10/02/2003	CCQ2124B			<i>Giang</i>	76	45	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121240010	TRẦN THANH HÀO	25/07/2000	CCQ2124A			<i>Hao</i>	88	63	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121240008	HỒ THỊ HOÀI	08/04/2001	CCQ2124A			<i>Hoi</i>	90	66	76	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121240032	LÊ THỊ THANH HƯƠNG	26/01/1999	CCQ2124B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121240004	BÙI QUỐC HỮU	31/01/2003	CCQ2124A			<i>Huu</i>	83	61	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121240036	BÙI PHƯƠNG KHANH	29/07/2003	CCQ2124B			<i>Phuong</i>	89	86	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121240060	HOÀNG THỊ LIỄU	23/04/2001	CCQ2124B			<i>Lieu</i>	92	90	91	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121240012	NGUYỄN THỊ LINH	20/08/2002	CCQ2124A			<i>Linh</i>	91	82	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121240013	ĐÀO THỊ TUYẾT MAI	01/02/2003	CCQ2124A			<i>Mai</i>	75	50	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121240031	ĐÀO THỊ NGỌC MÂN	11/07/2003	CCQ2124B			<i>Man</i>	86	47	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121240037	LÝ THỊ NGÂN	12/03/2003	CCQ2124B			<i>Ngan</i>	66	45	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001164

Trang : 2/3

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240002	TRẦN TUYẾT NGÂN	13/03/2003	CCQ2124A				93	67	77		
22	2121240021	HUỖNH PHƯƠNG	16/09/2003	CCQ2124A								
23	2121240020	PHẠM THẾ	06/10/2003	CCQ2124A				86	58	69		
24	2121240009	TRẦN KIM	12/06/2003	CCQ2124A				75	60	66		
25	2121240041	TRẦN THỊ BÍCH	07/07/2003	CCQ2124B				78	60	67		
26	2121240023	VÕ NGUYỄN MINH	03/06/2003	CCQ2124A				89	51	66		
27	2121240028	NGUYỄN HOÀNG BẢO	13/01/2003	CCQ2124A				83	62	70		
28	2121240053	NGUYỄN THỊ THẢO	30/05/2002	CCQ2124B				66	64	65		
29	2121240038	NGUYỄN THỊ YẾN	07/04/2003	CCQ2124B				50	68	61		
30	2121240048	TRẦN THỊ CẨM	07/08/2003	CCQ2124B				84	50	64		
31	2121240042	NGUYỄN THỊ YẾN	20/01/2003	CCQ2124B								
32	2121240056	NGUYỄN KỶ	25/07/2003	CCQ2124B				89	67	76		
33	2121240034	TRẦN THỊ AN	12/12/2003	CCQ2124B				58	65	62		
34	2121240015	TRƯƠNG HOÀI	16/09/2003	CCQ2124A				74	57	64		
35	2118240192	NGUYỄN THỊ THANH	08/03/2000	CCQ1824C				77	67	71		
36	2121240011	VÕ THỊ BÍCH	25/02/2003	CCQ2124A				75	47	58		
37	2121240019	NGUYỄN ĐOÀN TRIỆU	20/03/2003	CCQ2124A				71	60	64		
38	2121240017	BÙI THỊ BÍCH	04/12/2002	CCQ2124A				74	51	60		
39	2121240024	NGUYỄN THỊ THANH	16/03/2003	CCQ2124A				65	55	59		
40	2121240054	TRƯƠNG THỊ THU	12/04/2003	CCQ2124B				80	49	61		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001164

Trang : 3/3

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121240040	CHÂU THỊ KIM THOA	10/09/2003	CCQ2124B				78	63	69		
42	2121240018	DƯƠNG THỊ BÍCH THÙY	08/06/2003	CCQ2124A				75	56	64		
43	2121240007	VÕ LÊ THƯ	04/01/2003	CCQ2124A				89	72	79		
44	2121240057	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/04/2003	CCQ2124B				83	65	72		
45	2121240052	VŨ THỊ THÙY TRÂM	10/09/2003	CCQ2124B				80	51	63		
46	2120130056	PHẠM VIỆT TRINH	26/02/2002	CCQ2024F								
47	2121240043	NGUYỄN THIÊN TUỐNG	06/01/1997	CCQ2124B				93	85	88		
48	2121240045	NGUYỄN KIỀU VÂN	28/11/2003	CCQ2124B				87	57	69		
49	2121240029	NGUYỄN HÀ VI	05/12/2003	CCQ2124A				74	47	58		
50	2121240058	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	26/06/2003	CCQ2124B				83	46	61		
51	2121240051	NGUYỄN TRUNG VƯƠNG	27/11/2003	CCQ2124B				87	65	74		
52	2121240001	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	22/03/2002	CCQ2124A				91	79	84		
53	2121240025	NGÔ THỊ HỒNG XUYẾN	30/12/2003	CCQ2124A				78	56	65		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001165

Trang : 1/3

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **52**

Số bài thi: **0**

Số tờ giấy thi: **0**

Cán bộ coi thi 1 <i>16/2</i> <i>Nguyễn Thị</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị</i> <i>Nguyễn Thị</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị</i>
--	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240091	LẠI NGỌC LAN ANH	18/05/2003	CCQ2124D			<i>lan</i>	7.8	7.1	7.4	☒	☒
2	2121240098	VŨ THỊ NGỌC ANH	24/08/2002	CCQ2124D			<i>ngoc</i>	8.6	6.5	7.3	☒	☒
3	2121240105	DƯƠNG THỊ NGỌC ANH	29/10/2003	CCQ2124D			<i>ngoc</i>	9.0	8.8	8.9	☒	☒
4	2121240076	DƯƠNG THỊ HUỆ CHI	04/12/2002	CCQ2124C			<i>huệ</i>	9.8	8.7	9.1	☒	☒
5	2121240061	NGUYỄN NGỌC DIỄM	09/11/2002	CCQ2124C			<i>ngoc</i>	9.0	4.0	6.0	☒	☒
6	2121240068	LA THỊ ĐÀO	29/08/2003	CCQ2124C			<i>dao</i>	8.8	7.3	7.9	☒	☒
7	2121240095	NGUYỄN THỊ SANG HA	08/10/2003	CCQ2124D			<i>thi</i>	9.5	8.7	9.0	☒	☒
8	2121240112	BÙI THỊ THANH HÀ	07/12/2003	CCQ2124D			<i>thanh</i>	8.1	7.4	7.7	☒	☒
9	2121240100	CAO THỊ XUÂN HÀ	01/09/2003	CCQ2124D			<i>xuan</i>	9.1	7.8	8.3	☒	☒
10	2121240115	ĐỖ THỊ THÚY HÀI	21/11/2003	CCQ2124D			<i>thuy</i>	8.0	8.3	8.2	☒	☒
11	2121240118	ĐƯỜNG MINH HIỀN	20/01/2003	CCQ2124D			<i>hien</i>	9.4	7.5	8.3	☒	☒
12	2121240104	LÊ NGỌC HOÀNG	18/04/2003	CCQ2124D			<i>huong</i>	9.1	7.4	8.1	☒	☒
13	2121240067	LÂM THỊ HẢI HƯƠNG	28/04/2003	CCQ2124C			<i>huong</i>	6.9	5.8	6.2	☒	☒
14	2121240079	TRƯƠNG TÂN KHOA	14/09/2002	CCQ2124C			<i>truong</i>	7.9	7.3	7.5	☒	☒
15	2121240069	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	16/07/2003	CCQ2124C			<i>thuy</i>	9.1	7.5	8.1	☒	☒
16	2121240081	HÀ THỊ MỸ LINH	27/12/2003	CCQ2124C			<i>my</i>	9.4	8.1	8.6	☒	☒
17	2121240090	TRẦN TRIỆU KHÁNH LINH	14/12/2003	CCQ2124C			<i>khánh</i>	9.7	8.4	8.9	☒	☒
18	2121240070	NGUYỄN ĐỨC LỘC	02/10/2003	CCQ2124C			<i>duc</i>	8.1	7.0	7.4	☒	☒
19	2121240066	HUỲNH NGỌC LỰC	21/11/2002	CCQ2124C			<i>huy</i>	6.9	6.4	6.6	☒	☒
20	2121240086	LÊ TRỊNH THANH MAI	21/05/2003	CCQ2124C			<i>mai</i>	8.4	5.5	6.7	☒	☒

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001165

Trang : 2/3

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **52**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 <i>H.T. Hoang</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phan Thanh Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>.....</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>.....</i>
---------------------------------------	--	-----------------------------------	-----------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240119	LÊ THỊ ĐIỂM MY	15/09/2003	CCQ2124D			<i>My</i>	8.9	7.9	8.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121240083	PHẠM THỊ THU	27/10/2003	CCQ2124C			<i>Thu</i>	8.8	7.1	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121240093	NGUYỄN VŨ KIỀU	13/08/2003	CCQ2124D			<i>Kieu</i>	9.5	8.2	8.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121240080	PHAN THANH	05/12/2003	CCQ2124C			<i>Thanh</i>	9.8	8.7	9.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121240099	TRẦN THỊ KIM	25/06/2003	CCQ2124D			<i>Kim</i>	9.3	8.1	8.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121240065	NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/12/2003	CCQ2124C			<i>Quynh</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121240113	LÊ THỊ THẢO	26/09/2003	CCQ2124D			<i>Thao</i>	7.8	8.1	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121240085	PHAN THỊ THANH	05/02/2003	CCQ2124C			<i>Thanh</i>	6.2	8.3	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121240107	NGUYỄN THỊ KIM	28/06/2003	CCQ2124D			<i>Kim</i>	9.7	8.6	9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121240096	PHAN THIÊN	11/02/2003	CCQ2124D			<i>Thien</i>	9.2	7.7	8.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121240087	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	15/12/2003	CCQ2124C			<i>Quynh</i>	9.3	8.3	8.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121240102	VŨ QUỲNH	17/01/2003	CCQ2124D			<i>Quynh</i>	7.7	7.0	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121240097	HỒ SĨ	19/08/2002	CCQ2124D			<i>Si</i>	8.9	7.7	8.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121240082	NGUYỄN THỊ THU	09/12/2003	CCQ2124C			<i>Thu</i>	9.2	8.7	8.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
35	2121240114	LÝ THỊ NGỌC	02/10/2003	CCQ2124D			<i>Ngoc</i>	7.9	6.4	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121240106	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	03/01/2003	CCQ2124D			<i>Phuong</i>	9.1	8.1	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121240108	NGUYỄN TRƯƠNG NGỌC	19/06/2003	CCQ2124D			<i>Ngoc</i>	7.5	7.6	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2121240084	TRẦN THANH	25/04/2003	CCQ2124C			<i>Thanh</i>	8.2	5.3	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121240092	NGUYỄN TRẦN BÍCH	19/06/2003	CCQ2124D			<i>Bich</i>	9.6	7.8	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121240074	BIỆN THỊ HOÀI	29/12/2003	CCQ2124C			<i>Hoi</i>	7.7	6.0	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001165

Trang : 3/3

Môn học: **Nói 1 (224301) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **52**

Số bài thi: **10**

Số tờ giấy thi: **10**

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121240101	NGUYỄN PHAN MINH THƯ	16/09/2003	CCQ2124D			<i>[Signature]</i>	8.5	8.4	8.4	☒	☒
42	2121240073	LÊ NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	23/07/2002	CCQ2124C			<i>[Signature]</i>	6.8	6.1	6.4	☒	☒
43	2121240078	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	06/05/2001	CCQ2124C			<i>[Signature]</i>	8.6	7.2	7.7	☒	☒
44	2121240111	NGUYỄN NGỌC THÚY TIỀN	19/09/2003	CCQ2124D			<i>[Signature]</i>	8.7	8.1	8.9	☒	☒
45	2121240109	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	17/06/2003	CCQ2124D							☒	☒
46	2121240089	MAI MINH TRÍ	01/05/2003	CCQ2124C			<i>[Signature]</i>	8.2	7.4	7.7	☒	☒
47	2121240064	NGÔ HOÀNG KHẢ TÚ	23/07/2003	CCQ2124C			<i>[Signature]</i>	8.0	8.3	8.2	☒	☒
48	2121240116	NGUYỄN THỊ BÍCH VI	06/04/2003	CCQ2124D			<i>[Signature]</i>	9.4	8.6	8.9	☒	☒
49	2121240094	VÕ PHẠM TƯỜNG VI	01/11/2003	CCQ2124D							☒	☒
50	2121240103	HUỲNH LÝ THẢO VY	16/12/2003	CCQ2124D			<i>[Signature]</i>	8.0	7.7	7.8	☒	☒
51	2121240062	HUỲNH MỸ GIAO VY	15/08/2003	CCQ2124C			<i>[Signature]</i>	7.7	6.8	7.2	☒	☒
52	2121240077	NGUYỄN THỊ ÁI VY	08/12/2003	CCQ2124C			<i>[Signature]</i>	8.9	5.5	6.9	☒	☒
53	2121240110	TRƯƠNG THÚY VY	15/10/2003	CCQ2124D			<i>[Signature]</i>	9.2	6.5	7.6	☒	☒
54	2121240120	HUỲNH THỊ NHƯ Ý	12/08/2003	CCQ2124D			<i>[Signature]</i>	8.8	5.4	6.8	☒	☒
55	2121240117	VŨ HẢI YẾN	05/12/2003	CCQ2124D			<i>[Signature]</i>	9.5	9.0	9.2	☒	☒

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi